

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-PT

Ngày 25-5-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy một phần giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Tài Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 25-5-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLPT-DS, ngày 21-3-2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2018/QĐ-PT, ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L - Có mặt;

Trú tại: Thôn A (hiện nay đang ở thôn B), xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Trương Công Kh - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị H - Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H: Ông Trương Công Kh (Văn bản ủy quyền ngày 02-12-2014) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hà Ánh T - Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Ánh T: Ông Nguyễn Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 23-11-2015) - Có mặt;

Cùng trú tại: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Trương Thị Mỹ H - Vắng mặt;

Anh Trương Công H - Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền chị Trương Thị Mỹ H và anh Trương Công H: Ông Trương Công Kh (Văn bản ủy quyền ngày 02-12-2015 và ngày 23-11-2015) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Lê Th - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị T - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mai T - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền ngày 08-6-2017) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Quốc Kh - Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Vũ Hữu Đ - Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Lê Viết S - Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-11-2013, đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 20-4-2017 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L:

Năm 1993, ông L mua của gia đình ông Lê Th toàn bộ diện tích đất sinh (đất ngập nước) khoảng 3.000m² tại vị trí giáp suối (giữa xã Đ và xã N hiện nay) thuộc thôn A, xã Đ, huyện Đ, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đường Quốc lộ 14; phía Nam giáp suối và phía Bắc giáp đất ông Kh.

Khi mua bán đất thì không đo đạc cụ thể, hiện trạng đất khi mua gia đình ông Th đã trồng lúa và hoa màu trên một phần diện tích đất này, giáp quốc lộ 14 gần với suối, việc mua bán hai bên có viết giấy tay nhưng không có chứng thực của cơ

quan có thẩm quyền, nay đã thất lạc. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L tiếp tục sử dụng trồng cây ngắn ngày được một vài năm do trâu bò phá nên ông không sử dụng nữa. Năm 2010, ông L đi kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện một phần diện tích đất khoảng 1.800m² Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho gia đình ông Kh từ năm 1995 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m² nên ông L làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 30-8-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì vợ chồng ông Kh, bà H đã chấp nhận trả cho ông L diện tích đất 1.800m², cụ thể: Chiều ngang giáp Quốc lộ 14 là 18m, chiều dài là 100m tại vị trí giáp suối và đã cắm mốc thực địa. Năm 2011, ông L tiến hành đổ đất san lấp mặt bằng trên một phần diện tích đất nêu trên, đồng thời làm thủ tục tách bìa theo nội dung đã thỏa thuận, nhưng sau khi nhận thông báo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ thì ông Kh khiếu nại không chấp nhận nên ông L không làm được.

Năm 2011, ông L thuê xe đổ đất khối lượng khoảng 2.800m³ trên đất của gia đình ông và tự ý thuê máy múc lại suối, làm thay đổi dòng chảy của con suối về hướng xã N, ông không báo chính quyền địa phương, không có ai khiếu nại, tranh chấp gì nên ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Năm 2012, Nhà nước làm đường QL14 thì có làm lại cống nước và sân cống nhưng không ảnh hưởng gì đến đất của ông L vì toàn bộ diện tích đất nằm trong đất hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 941,1m², chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kh và bà H trả lại diện tích 858,9m² nằm trong thửa số 50, tờ bản đồ số 9; yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m², cấp ngày 30-11-1995 đứng tên hộ ông Trương Công Kh.

Bị đơn ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1993, gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông Dương K diện tích đất rẫy khoảng 02ha, còn vị trí đất đang tranh chấp với ông L là đất sinh giáp suối do gia đình ông Kh khai hoang để đào ao lấy nước tưới cà phê. Năm 1994, ông Kh kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 08-9-1995 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m², đứng tên hộ ông Trương Công Kh (bao gồm cả diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông K và đất sinh khai hoang). Gia đình ông Kh đã sử dụng ổn định, đến năm 2010, ông L tranh chấp và gửi đơn Ủy ban nhân dân xã Đ yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 30-8-2010 gia đình ông chấp nhận nhượng lại cho ông L 180m² (chiều ngang giáp quốc lộ 14 là 10m, chiều dài là 18m) tại vị trí giáp suối. Tuy nhiên, tháng 7-2012 gia đình ông Kh nhận được

thông báo số 29/TB-VPĐKSĐĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ hủy bỏ 1.860m² của gia đình ông để cấp cho ông L là không đúng với diện tích ông đã thỏa thuận là 180m². Ngày 06-8-2012, gia đình ông đã làm đơn kiến nghị đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ và không đồng ý tách thửa cho ông L.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc tôi phải trả lại diện tích 858,9m² và yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 09, cấp ngày 08-9-1995 đứng tên hộ ông Trương Công Kh thì ông hoàn toàn không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Ánh T: Đồng ý và thống nhất theo quan điểm của ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Đồng ý với ý kiến trình bày, quan điểm của ông Kh trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị Mỹ H và anh Trương Công H thống nhất theo quan điểm của ông Trương Công Kh, không có ý kiến gì bổ sung.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ ông Lê Mai T trình bày: Về thẩm quyền, điều kiện, đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Công Kh được thực hiện đúng theo khoản 1, Điều 2 và Điều 36, Luật Đất đai năm 1993; Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK, ngày 14-7-1989 của Tổng Cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không đồng ý hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250, cấp ngày 08-9-1995 đứng tên hộ ông Trương Công Kh, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750 m², tọa lạc thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã Quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đòi ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất 858,9m², có tứ cận: Phía Đông giáp suối theo bản đồ giải thửa năm 1995 là 40m; phía Tây giáp đường quốc lộ 14 là 18m; phía Nam giáp suối theo hiện trạng là 29,57m và phía Bắc giáp phần đất của ông Kh, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 09 dài 70,01m (nay là thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0451250 ngày 08-9-1995 cho hộ ông Trương Công Kh thửa số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m².

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đã rút đòi với diện tích đất 941,1m², tọa lạc tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-02-2018 ông Nguyễn Văn L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, buộc ông Trương Công Kh, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 858,9m² và hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0451250, thửa số 50, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.750m² do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 08-9-1995 cho hộ ông Trương Công Kh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ. Do đó, không có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp 1.800m² trước đây là đất sinh, do gia đình ông Kh khai hoang, đào ao lấy nước tưới cà phê. Năm 1994, ông Kh kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 08-9-1995 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m², đứng tên hộ ông Trương Công Kh (bao gồm cả diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông K và đất sinh khai hoang). Lời khai của ông K cũng xác định, năm 1993 ông chuyển nhượng cho ông Kh 02 ha đất, phía trên đồi, không bán đất sinh cho gia đình ông Kh (BL 30-32 và 64).

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, ông L cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của gia đình ông Lê Th năm 1993, trên đất lúc đó trồng lúa và hoa màu trên một phần diện tích đất sinh tại vị trí giáp quốc lộ 14 gần với

suối, việc mua bán hai bên có viết giấy tay nhưng không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, do làm mất giấy nên ngày 02-02-2012 ông đã nhờ ông Th viết lại giấy sang nhượng đất (BL 10), nhưng chỉ là bản photo, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

[3]. Ngày 09-5-2018, ông Nguyễn Văn L cung cấp cho Tòa án cấp phúc 02 bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2010 của ông L, ông Kh; 01 đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Kh. Tại biên bản xác minh ngày 14-5-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cho biết: Qua kiểm tra hồ sơ, về bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của ông L, ông Kh là do Xí nghiệp trắc địa bản đồ 201 thực hiện việc đo vẽ năm 2010; mục đích đo vẽ bản đồ địa chính là để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả xét hỏi tại cấp phúc thẩm, ông L cho rằng việc ông L và ông Kh ký giáp ranh trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất là để cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đất sử dụng, nhưng hiện nay gia đình ông L vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, ngoài lời khai ông L chỉ cung cấp bản photo; lời khai của ông L cũng không được bà Nguyễn Thị H thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Ông Lê Th và bà Nguyễn Thị T thừa nhận có bán đất như ông L trình bày. Tuy nhiên, về nguồn gốc đất bán cho ông L thì ông Th, bà T cho rằng khoảng năm 1989 do gia đình ông bà ở trên đóc, phía bên kia quốc lộ 14 thấy đất sinh giáp suối không ai sử dụng nên gia đình ông bà đã tự ý chiếm sử dụng trồng lúa và hoa màu một phần diện tích đất sinh tại vị trí giáp quốc lộ 14 gần với suối được vài ba năm thì bán lại cho ông L giá trị 200.000 đồng. Tại thời điểm mua bán thì không đo đạc, xác định vị trí, tứ cận và diện tích đất.

[5]. Ngày 16-12-2015, ông Kh, bà H đã yêu cầu Tòa án trung cầu giám định nội dung sửa chữa, bổ sung của biên bản làm việc ngày 30-8-2010. Tại thông báo kết luận giám định số: 01-GĐTL/PC54 ngày 29-01-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận: **"1. Chữ số 18m thuộc dòng thứ 7 tính từ dưới lên, trong biên bản làm việc ghi ngày 30-8-2010 đã bị sửa chữa từ số 10 thành số 18, xác định chữ số nguyên thủy là chữ số 10; 2. Chữ viết, chữ số có nội dung "chiều dài 100m, tổng diện tích 1800m²" thuộc dòng thứ 6 tính từ dưới lên, trong biên bản làm việc ghi ngày 30-8-2010 là đã được điền thêm, không viết cùng với phần nội dung chữ viết trong cùng một tài liệu"** (BL 86).

[6]. Tại biên bản xác minh ngày 20-9-2017, đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết: theo hiện trạng hiện nay thì con suối có sự thay đổi dòng chảy, lấn sang địa phận xã N; việc thay đổi dòng chảy của con suối là do các hộ dân tự ý thay đổi, chính quyền địa phương không biết và cũng không có ai ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[7]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông L về việc hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Công Kh thấy: Về thẩm quyền, điều kiện, đối tượng, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0451250, thửa số 50, tờ bản đồ số 09, diện tích 6.750m² do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 08-9-1995 cho hộ ông Trương Công Kh, thuộc thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) là đúng theo khoản 1, Điều 2 và Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993; Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK, ngày 14-7-1989 của Tổng Cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút đối với diện tích đất 941,1m² của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ.

[8]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ.

[9]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 256, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đã rút đối với diện tích đất 941,1m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 687.120 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 006185 ngày 19-11-2013 và 300.000 đồng theo biên lai số: 0004690 ngày 30-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Ông Nguyễn Văn L phải tiếp tục nộp 187.120 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lòng ghép và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 14.992.726 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*), được khấu trừ vào số tiền 14.992.726 đồng tạm ứng mà ông L đã nộp.

5. Về chi phí giám định: Ông Trương Công Kh tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết số tiền là 3.060.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.060.000 đồng ông Kh đã nộp.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên số: 0001504 ngày 08-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương